The Olympia Schools
Trung Van New Urban Area, Dai Mo Ward, Hanoi
+84 24 6267 7999

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO DREAM HOUSE

TRƯỜNG TIỂU HỌC, THCS, THPT OLYMPIA

BIỂU PHÍ TỔNG HỢP

NĂM HỌC 2025 – 2026

A. PHÍ THAM DỰ TUYỂN SINH

Stt	Khoản phí	Số tiền (VNĐ/lần)
1	Phí tuyển sinh nộp khi học sinh mới tham gia xét tuyển vào trường.	3.150.000

B. CÁC KHOẢN PHÍ PHẢI NỘP HẰNG NĂM

Stt	Các khoản phí theo cấp học	Số tiền (VNĐ/tháng)
I	**CHƯƠNG TRÌNH SONG NGỮ**	
	Khối Mầm non	
1	Học phí	13.800.000
2	Phí phát triển	900.000
3	Phí ăn uống	1.850.000
4	Học phẩm	200.000
	Khối 1 - Khối 5	
1	Học phí	16.700.000
2	Phí phát triển	1.800.000
3	Phí ăn uống	2.450.000
4	Học phẩm, sách, bảo hiểm y tế bắt buộc	500.000
	Khối 6 – Khối 9	
1	Học phí	19.000.000
2	Phí phát triển	1.800.000
3	Phí ăn uống	2.850.000
4	Học phẩm, sách, bảo hiểm y tế bắt buộc	500.000
	Khối 10 - Khối 12	
1	Học phí	22.000.000
2	Phí phát triển	1.800.000
3	Phí ăn uống	2.850.000
4	Học phẩm, sách, bảo hiểm y tế bắt buộc	500.000
II	**CHƯƠNG TRÌNH TÍCH HỢP**	
A	**HỌC PHÍ**	

1	**Chương trình Tích hợp 1**	
	Học phí khối 9	30.570.000
	Học phí khối 10, 11 và 12	33.750.000
2	**Chương trình Tích hợp 2**	
	Học phí khối 9	54.100.000
	Học phí khối 10	58.570.000
	Học phí khối 11	58.570.000
	Học phí khối 12 (Học tại Mỹ)	86.800.000
3	**Chương trình Tích hợp 3**	
	Học phí khối 10	59.750.000
	Học phí khối 11	64.920.000
	Học phí khối 12	64.920.000
B	**CÁC KHOẢN PHÍ KHÁC**	
1	Phí phát triển	1.800.000
2	Phí ăn uống	2.850.000
3	Học phẩm, sách, bảo hiểm y tế bắt buộc	
	- Chương trình Tích hợp 1 - Chương trình Tích hợp 2	500.000
	- Chương trình Tích hợp 3	1.000.000

B. CHIẾT KHẤU NỘP TIỀN THEO THỜI ĐIỂM:

STT	**Điều kiện & thời điểm nộp tiền**		**Mức chiết khấu**	
	Thời điểm nộp	**Điều kiện kèm theo**	**Nộp học phí cả năm**	**Nộp học phí theo kỳ**
1	Nộp trước ngày 31/03/2025	Không nợ bất kỳ khoản phí nào của năm trước	5%	3%
2	Nộp trong thời gian từ ngày 01/04/2025 - 31/05/2025	Không nợ bất kỳ khoản phí nào của năm trước	4%	2%
3	Nộp trong thời gian từ ngày 01/06/2025 – 30/06/2025	Không nợ bất kỳ khoản phí nào của năm trước	2%	0%

C. CÁC KHOẢN PHÍ LỰA CHỌN

Stt	**Khoản phí**	**Số tiền (VNĐ/tháng)**
	Phí dịch vụ xe buýt	

1	Đi 2 chiều >10km	3.150.000
2	Đi 2 chiều từ 3 km đến 10km	3.000.000
	Đi 2 chiều < 3km	2.400.000
3	Đi 1 chiều > 10 km	2.415.000
	Đi 1 chiều từ 3km đến 10km	2.300.000
4	Đi 1 chiều < 3 km	2.100.000
5	Đi 2 chiều nhưng 2 điểm đón, trả khác nhau	Phí đi xe 2 chiều + 20%
	Phí bảo hiểm thân thể	
1	Phí bảo hiểm thân thể tự nguyện/ 1HS/ 1 năm học. Nộp 1 lần vào lần nộp đầu tiên	860.000

D. PHÍ ĐỒNG PHỤC

Stt	Cấp học	Số tiền dự kiến	Set dự kiến	Ghi chú
1	Cấp Mầm non	500.000	2 áo polo	Phụ huynh mua và thanh toán trực tiếp tại Bookstore của nhà trường
2	Cấp Tiểu học	4.000.000	1 sơ mi dài tay, 1 sơ mi cộc tay, 1 áo vest, 2 chân váy (nữ), 2 quần (nam) và 2 áo polo, 1 áo len, 1 bộ thể thao đông và 1 bộ thể thao hè	
3	Cấp THCS	4.500.000	1 sơ mi dài tay, 1 sơ mi cộc tay, 1 áo vest, 2 chân váy (nữ), 2 quần (nam), 2 áo polo, 1 áo len và 1 bộ thể thao hè	
4	Cấp THPT	5.000.000	1 sơ mi dài tay, 1 sơ mi cộc tay, 1 áo vest, 2 chân váy (nữ), 2 quần (nam), 2 áo polo, 1 áo len và 1 bộ thể thao hè	

E. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Mức phí và mức ưu đãi trên áp dụng cho năm học 2025 – 2026 có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi có văn bản khác thay thế. Các trường hợp đặc biệt cần có phê duyệt riêng của Ban lãnh đạo Nhà trường.
2. Học phí và các khoản phí nêu trên có thể được thay đổi phù hợp điều kiện của trường theo từng thời kỳ và pháp luật Việt Nam.